

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01- 9 - 2020

*“Yêu cầu tuyên bố không công
nhận quan hệ vợ chồng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa;

2. Ông Triệu Khánh Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa:
Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10/3/2020 về việc *“Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng N , sinh năm 1971 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 115 đường L , Khóm D, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn D , sinh năm 1979 (Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Nhà trọ 76, huyện lộ 43, Khóm F, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2020 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng N trình bày: Vào năm 2017, bà Nguyễn Thị Hoàng N kết hôn với ông Hồ Văn D nhưng không đăng ký kết hôn. Sau kết hôn, bà N và ông D chung sống tại nhà mẹ ruột của bà N ở Số nhà 115 đường L, Khóm D, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu nhưng ông bà không có con chung. Do bất đồng quan điểm, ông D thiếu trách nhiệm với gia đình làm phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc nữa, đến đầu năm 2019, bà N và ông D không còn sống chung đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Hoàng N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà N và ông Hồ Văn D là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng N khẳng định là không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng N khẳng định là tài sản chung không có và nợ chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do bà N giao nộp là bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 03/8/2020, bị đơn là ông Hồ Văn D trình bày: Ông Hồ Văn D và bà Nguyễn Thị Hoàng N kết hôn vào năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn đúng như bà N trình bày. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống tại nhà mẹ ruột của bà N ở Số nhà 115 đường L, Khóm D, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu nhưng ông bà không có con chung, ông D cũng trình bày là giữa ông với bà N không có tài sản chung và nợ chung. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc nữa. Do đó, đầu năm 2019, ông D và bà N không còn sống chung với nhau đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Văn D thống nhất là quan hệ sống chung giữa ông với bà N không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Ông Hồ Văn D khẳng định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hồ Văn D khẳng định là không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, ông D xin được vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc không thể tham dự được khi Tòa án tiến hành xét xử.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản ghi lời khai của ông Hồ Văn D .

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn ông Hồ Văn D không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Nguyễn Thị Hoàng N với ông Hồ Văn D không phải là quan hệ vợ chồng; về con chung không có nên không xem xét, giải quyết; tài sản chung không có và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; bà Nga phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hoàng N khởi kiện, yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa bà N với ông Hồ Văn D là vợ chồng. Yêu cầu của bà Nga được pháp luật điều chỉnh tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Hồ Văn D có yêu cầu xin vắng mặt tại phiên tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay và lời trình bày của bị đơn tại biên bản ghi lời khai ngày 03/8/2020, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của bà N và ông D về việc ông bà chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là sự thật. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Như vậy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoàng N và ông Hồ Văn D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Hồ Văn D. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Nguyễn Thị Hoàng N và ông Hồ Văn D là vợ chồng.

Nguyên đơn và bị đơn cùng khẳng định con chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nguyên đơn khẳng định tài sản chung không có và nợ chung tự thỏa thuận, bị đơn khẳng định tài sản chung và nợ chung không có. Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nga phải chịu là 300.000 đồng, theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Nguyễn Thị Hoàng N và ông Hồ Văn D không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn khẳng định con chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định tài sản chung không có và nợ chung tự thỏa thuận, bị đơn khẳng định tài sản chung và nợ chung không có. Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoàng N phải chịu là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003770 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Hoàng N có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; ông Hồ Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU